

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :277

Sang : Bùn thõ bõ viẽn nam mỗp ca rot gia
ngo gai
Sõa grow
Trõa : Cõm thõ kho tau trõng cõt ca rot
nõõc dõa. Canh mong tõi mỗp ca thac lac
thõ heo nác
Mon xao: ca rot, su su
Xe: Nõõc sam
Xe chieu: Chao ca hõi bí ñõ phõ mai me

Số Tiền Trên Mỗi Tre 37019				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mùi)	2,000	1,060	21,200
2	Cà hời	3,000	50,400	1,512,000
3	Cà lạc	1,000	28,350	283,500
4	Nõõc mẵm Cà (loại 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nõõng cat	8,000	3,880	310,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ may	24,000	2,630	631,200
9	Mè (võng)	300	11,880	35,640
10	Hạnh lã	1,200	5,360	64,320
11	Hạnh cụ tõi	1,000	5,780	57,800
12	Cà rot	6,000	5,460	327,600
13	Nam rỏm	1,000	13,130	131,300
14	Gĩa ñầu xanh	1,000	2,520	25,200
15	Mỗp	8,000	3,990	319,200
16	Su su	3,000	3,050	91,500
17	Rầu mong tõi	6,000	4,520	271,200
18	Bỉ nõ (Bỉ ñõ)	3,000	3,360	100,800
19	Rầu mùi tau (nõg gãi)	100	6,410	6,410
20	Lã sẵm*	10,000	2,630	263,000
21	Bủn	16,000	1,710	273,600
22	Banh chãi	1,000	18,700	187,000
23	Phõ mẵt	2,000	7,150	143,000
24	Thõ lỏn nác	13,000	18,060	2,347,800
25	Thõ bõ loãi 1	2,000	37,800	756,000
26	Trõng cõt	3,000	13,000	390,000
27	Nõõc dõa tõi	4,000	2,420	96,800
28	Lã han quã*	1,000	7,700	77,000
Cong				9,188,170
	*XUẤT KHO			
29	Sõa bõt Abbot Grow	5,200	20,500	1,066,000
Cong				1,066,000
Tong tiền thức phẩm				10,254,170 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tiền nõõc chi trong ngay				10249000(ñ)
Số dõ ñầu ngay				0(ñ)
Số dõ cuỏi ngay				-5170(ñ)
Xuất ăn luy ke tõi ñầu thang				
Tieu chuan luy ke tõi ñầu thang				
Tiền chi luy ke tõi ñầu thang				